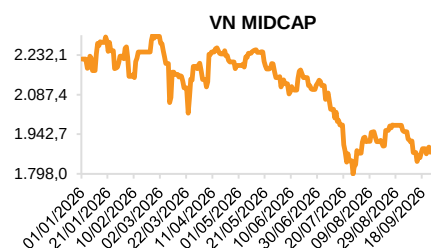
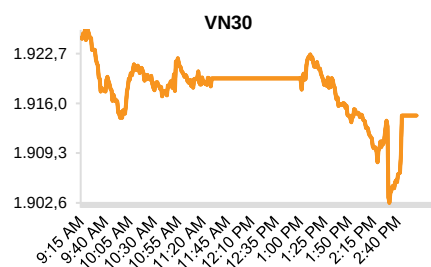
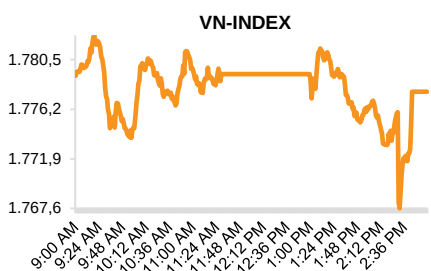


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.777,7	269,9	125,5
1 ngày (%)	-0,2	-0,5	0,4
1 tháng (%)	-3,0	-5,2	-1,6
Từ 2026	-0,4	8,5	3,7
1 năm (%)	6,7	-1,9	14,8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	330	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,5	0,8	0,4
Số mã tăng	133	69	98
Số mã giảm	171	70	139
Số mã tham chiếu	101	154	492

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm 0,2%, thanh khoản thu hẹp

Phiên giao dịch ngày 29/09/2026 ghi nhận VN-Index giảm 3,0 điểm (-0,2%) xuống 1.777,7 điểm. Chỉ số chịu áp lực chủ yếu từ một số cổ phiếu vốn hóa lớn, trong đó VIC tạo sức ép lớn nhất, trong khi GVR, GAS và VHM đóng vai trò nâng đỡ. Độ rộng thị trường nghiêng nhẹ về phía tiêu cực với 132 mã tăng, trong đó một mã tăng trần, 66 mã đứng giá và 161 mã giảm, gồm chín mã giảm sàn. HNX-Index giảm 1,4 điểm (-0,5%) xuống 269,9 điểm.

VN30 giảm 8,1 điểm (-0,4%) xuống 1.914,4 điểm, với 11 mã tăng, bốn mã đứng giá và 15 mã giảm. VN100 giảm 8,1 điểm (-0,4%) xuống 1.813,7 điểm, cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn tập trung nhiều hơn ở nhóm vốn hóa lớn.

Xét theo ngành, 14/19 ngành tăng điểm và năm ngành giảm. Hóa chất tăng mạnh nhất 2,2%, tiếp theo là Dịch vụ tiện ích (+1,4%), Tài nguyên (+1,2%), Dầu khí (+0,9%) và Viễn thông (+0,6%). Ở chiều ngược lại, Công nghệ giảm 1,1%, Xây dựng & Vật liệu giảm 0,8%, Bất động sản giảm 0,5% và Ngân hàng giảm 0,5%.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, giảm 17,1% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 398,6 tỷ đồng, tập trung tại VPB (249,0 tỷ đồng), HPG (51,8 tỷ đồng), ACB (51,2 tỷ đồng), VIC (49,7 tỷ đồng) và VHM (40,6 tỷ đồng). Ở chiều mua ròng, PVT dẫn đầu với 60,8 tỷ đồng, tiếp theo là PLX (35,2 tỷ đồng), VIB (28,3 tỷ đồng), PVS (25,3 tỷ đồng) và BVH (21,3 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao:** Nhà đầu tư nên tiếp tục rà soát danh mục và ưu tiên nắm giữ các cổ phiếu duy trì sức mạnh tương đối tốt, đồng thời hạn chế gia tăng đòn bẩy khi thanh khoản suy yếu và nhóm vốn hóa lớn vẫn chịu áp lực. Nhà đầu tư có thể theo dõi phản ứng của VN-Index quanh vùng 1.770–1.780 điểm và cân nhắc giảm tỷ trọng nếu chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ này; 2) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao:** Nhà đầu tư nên chờ tín hiệu cân bằng rõ hơn trước khi gia tăng tỷ trọng. Việc giải ngân thăm dò có thể được cân nhắc khi VN-Index giữ vững vùng 1.770–1.780 điểm và lực cầu cải thiện, ưu tiên các nhóm ngành duy trì diễn biến tích cực và cổ phiếu có nền giá chặt chẽ.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	1D	1M	Thay đổi (%)	YTD	1Y
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,0	25,9	3,2	-0,5	-2,9	-16,1	-6,0	17,1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,9	19,3	4,9	0,1	-3,2	-12,6	-7,6	6,1
Năng lượng	2,9	10,2	2,0	1,2	16,2	72,8	70,4	27,1
Tài chính	36,4	11,1	1,6	-0,4	-3,6	-2,3	-6,5	-16,1
Chăm sóc sức khỏe	0,4	14,1	2,5	-0,2	-2,4	-11,9	-6,2	-27,1
Công nghiệp	6,3	24,4	3,2	0,9	0,3	-13,3	-6,3	24,1
Công nghệ thông tin	1,6	11,9	2,9	-0,6	-4,2	-24,4	-24,8	-36,1
Vật liệu xây dựng	5,3	13,5	1,6	1,3	-2,3	0,2	-7,3	4,1
Bất động sản	31,2	59,5	7,5	-0,6	-3,8	23,3	116,1	9,1
Dịch vụ tiện ích	4,0	14,0	2,4	0,9	-0,2	11,1	22,2	23,1

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Diễn tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Giá dầu Brent tháng 11 tăng 1,6% lên 106,99 USD/thùng, phiên tăng thứ hai liên tiếp, do lo ngại gián đoạn nguồn cung Trung Đông vẫn lớn hơn tác động từ việc xuất khẩu dầu khu vực phục hồi. Xuất khẩu của các nhà sản xuất lớn Trung Đông tháng 9 đã tăng lên 12,8 triệu thùng/ngày, cao nhất kể từ tháng 2.
- **Fed:** Thống đốc Lisa Cook cho rằng giá dầu cao và nhu cầu đầu tư liên quan AI sẽ tiếp tục gây áp lực lạm phát, nhưng chưa khẳng định cần tăng lãi suất thêm; các quyết định tới sẽ phụ thuộc vào dữ liệu. DXY tăng lên 101,27 điểm, gần đỉnh 2 tháng, trong khi lợi suất TPCP Mỹ 10 năm lên cao nhất kể từ 2007; thị trường hiện định giá hơn 70% khả năng Fed tăng lãi suất vào cuối tháng 10.
- **ECB:** Chủ tịch Christine Lagarde cho rằng ECB nên tiếp tục tăng lãi suất theo hướng thận trọng và từng bước, khi lạm phát Eurozone đã vượt 3% và có thể tiến gần 4% cuối năm. Tuy nhiên, ECB chưa thấy giá năng lượng lan sang tiền lương, trong khi thị trường đang định giá tới 4 lần tăng lãi suất trong 12 tháng tới.
- **Eurozone:** EUR giảm khoảng 2% trong tháng 9 xuống quanh 1,137 USD/EUR, chịu áp lực từ giá khí đốt châu Âu vượt 80 EUR/MWh, cao nhất từ cuối 2022, cùng rủi ro tài khóa và chính trị. ECB đồng thời muốn mở rộng các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ để tăng khả năng cung cấp thanh khoản EUR cho NHTW nước ngoài và nâng vai trò quốc tế của đồng euro.
- **Trung Quốc:** PMI sản xuất chính thức tháng 9 được dự báo tăng lên 50,1 điểm từ 49,8 điểm, trở lại vùng mở rộng sau hai tháng suy giảm. Chính phủ cam kết tăng hỗ trợ phản chu kỳ, đẩy nhanh phát hành và sử dụng trái phiếu Chính phủ, hỗ trợ BĐS, việc làm và tiêu dùng nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng 4,5-5% trong 2026.
- **Mỹ - Trung Quốc:** Hai nước thống nhất hướng tới giảm thuế đối với khoảng 60 tỷ USD hàng hóa song phương, mỗi bên đề xuất khoảng 30 tỷ USD hàng hóa không nhạy cảm được hưởng ưu đãi; Trung Quốc tập trung vào nông sản Mỹ, còn Mỹ xem xét hàng tiêu dùng Trung Quốc. Hai bên cũng gia hạn đình chiến thương mại, tạo thêm dư địa cho các vòng đàm phán tiếp theo.

Tin vĩ mô trong nước

- Standard Chartered dự báo GDP Việt Nam Q3/26 tăng 8,7% svck, từ 8,4% trong Q2/26, đồng thời giữ dự báo tăng trưởng cả năm 2026 ở mức 9,5% và 2H26 đạt 10,6%. Lạm phát tháng 9 được dự báo khoảng 4,5% svck, trong bối cảnh nhu cầu nội địa và sản xuất tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng.
- Việt Nam sẽ nói quy định Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) từ ngày 18/10 đối với nhà đầu tư đến từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã cam kết bãi bỏ ENT, trong đó có Nhật Bản. Quy định mới giúp các chuỗi như Aeon, FamilyMart, FujiMart và Uniqlo rút ngắn thủ tục mở cửa hàng thứ hai trở đi, qua đó hỗ trợ thu hút FDI vào bán lẻ và tăng cạnh tranh trên thị trường nội địa.
- Bộ Tài chính ban hành Thông tư 138/2026/TT-BTC, hướng dẫn Nghị định 200/2026 về chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong nước và phát hành ra quốc tế. Thông tư quy định cụ thể về đăng ký, lưu ký, thanh toán, chuyển quyền sở hữu và công bố thông tin, có hiệu lực từ 1/10/2026.
- Dự thảo Luật Phát triển DNNVV chuyển trọng tâm từ "hỗ trợ" sang tạo điều kiện để doanh nghiệp mở rộng quy mô và nâng năng suất, với các chính sách về tiếp cận vốn, thị trường, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và đơn giản hóa thủ tục. Theo tiêu chí dự kiến, DNNVV sẽ chiếm khoảng 98,4% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, trong khi các cơ chế hỗ trợ vẫn phải cân đối với nguồn lực ngân sách.
- Hà Nội đang đề xuất cơ chế đặc thù để đẩy nhanh 7 dự án đường sắt trọng điểm, gồm rút gọn lựa chọn nhà thầu chiến lược, thực hiện song song một số thủ tục đầu tư và nâng mức bồi thường đất tối đa lên gấp 2 lần quy định. Nhà thầu phải cam kết chuyển giao công nghệ và giảm tối thiểu 15% giá gói thầu với đường sắt địa phương và 10% với đường sắt quốc gia.

- Chính phủ yêu cầu đẩy mạnh thu hút các dự án FDI quy mô lớn về trung tâm dữ liệu và trung tâm tính toán hiệu năng cao, gắn với chuyển giao công nghệ và an ninh dữ liệu; Bộ Tài chính được giao đề xuất cơ chế ưu đãi và rút ngắn thủ tục đầu tư trong tháng 11/2026. Đồng thời, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được định hướng trở thành động lực trực tiếp cho tăng trưởng, thay vì tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào vốn và lao động chi phí thấp.
- Việt Nam đang xây dựng lộ trình sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), trước mắt khảo sát các nguồn nguyên liệu như sinh khối nông nghiệp, dầu ăn đã qua sử dụng và rác thải để xác định mô hình chuỗi cung ứng phù hợp. Nội dung về SAF đang được đưa vào dự thảo quy định giảm phát thải hàng không, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào 2050.

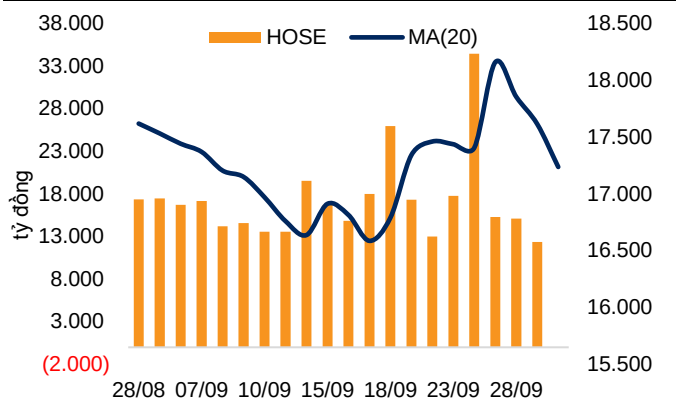
Tin ngành và doanh nghiệp

- **PNJ:** PNJ đã giải ngân khoảng 700 tỷ đồng trong hạn mức vay tối đa 1,1 nghìn tỷ đồng từ gia đình Chủ tịch HĐQT để bổ sung vốn lưu động và tích trữ nguyên liệu trước mùa cao điểm. 8M26, doanh thu thuần ước đạt 31,4 nghìn tỷ đồng (+39% svck) nhưng LNST giảm 54% còn 668 tỷ đồng; công ty cũng đang cân nhắc huy động thêm khoảng 8 nghìn tỷ đồng cho nhu cầu vốn trong 3 năm tới.
- **VBB:** Vietbank bổ nhiệm ông Chester Gorski làm Quyền Tổng Giám đốc từ 29/9, sau thời gian giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc. Với kinh nghiệm về công nghệ và vận hành tại Techcombank cùng nhiều định chế tài chính quốc tế, việc bổ nhiệm gắn với chiến lược đẩy mạnh chuyển đổi số, đầu tư công nghệ, dữ liệu và nâng hiệu quả vận hành của ngân hàng.
- **SBT:** AgriS ghi nhận doanh thu niên độ 2025-2026 đạt 26,7 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch, trong khi LNTT đạt gần 911 tỷ đồng và LNST hơn 846 tỷ đồng (+1,4%). Công ty đang đa dạng hóa khỏi mía đường với doanh thu gạo hơn 2,6 nghìn tỷ đồng, đồng thời đầu tư khoảng 500 tỷ đồng cho nhà máy và dây chuyền thực phẩm, đồ uống nhằm tạo thêm động lực tăng trưởng.
- **MBB:** MB hoàn tất hai đợt tăng vốn thông qua cổ tức cổ phiếu 15% và chào bán cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 80,6 nghìn tỷ đồng lên khoảng 100,7 nghìn tỷ đồng. Ngân hàng đã phân phối gần 793,3 triệu cp trong đợt chào bán giá 10.000 đồng/cp; 6M26 LNTT đạt 20,2 nghìn tỷ đồng (+27% svck), hoàn thành 51% kế hoạch năm.
- **BAF:** BAF đã được chấp thuận chào bán 40,5 triệu cp cho cổ đông hiện hữu với giá 15.000 đồng/cp, dự kiến huy động khoảng 608 tỷ đồng để thanh toán cho các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi, con giống và các đầu vào sản xuất khác. Nếu hoàn tất toàn bộ, vốn điều lệ sẽ tăng từ khoảng 3.648 tỷ đồng lên 4.054 tỷ đồng.
- **PVS:** Liên danh PVS - Doosan đã trúng gói thầu EPC Nhà máy điện khí Ô Môn III, thuộc dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 34 nghìn tỷ đồng. Cùng với backlog gần đây khoảng 3 tỷ USD từ dự án Maydan Mahzam tại Qatar, hợp đồng mới củng cố triển vọng khối lượng công việc và tăng trưởng của PVS trong giai đoạn 2028-30.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

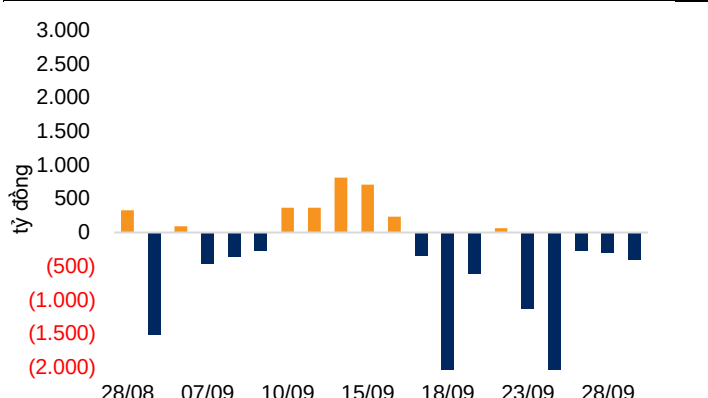
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 29/09/2026	Mỹ	Niềm tin người tiêu dùng tháng 9.2026
Thứ Tư, 30/09/2026	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 8.2026
Thứ Sáu, 02/10/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 9.2026
Thứ Bảy, 03/10/2026	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 9 và quý 3.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



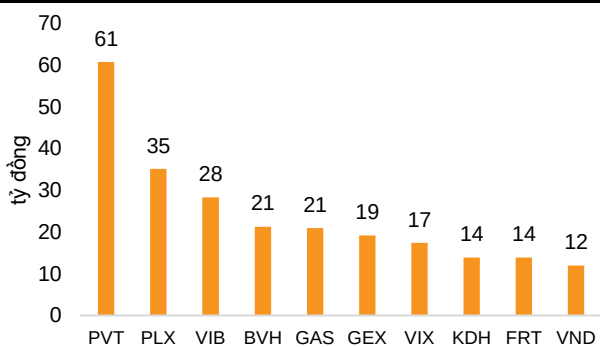
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỐI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



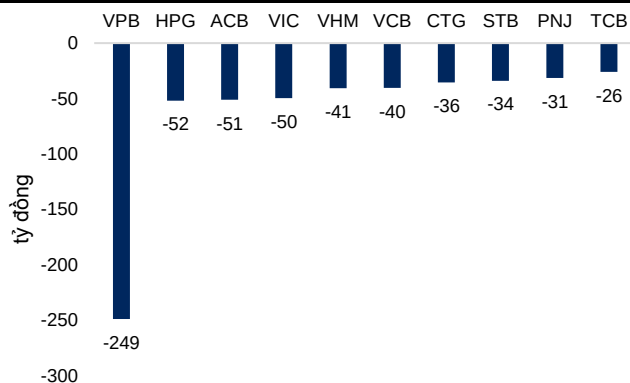
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



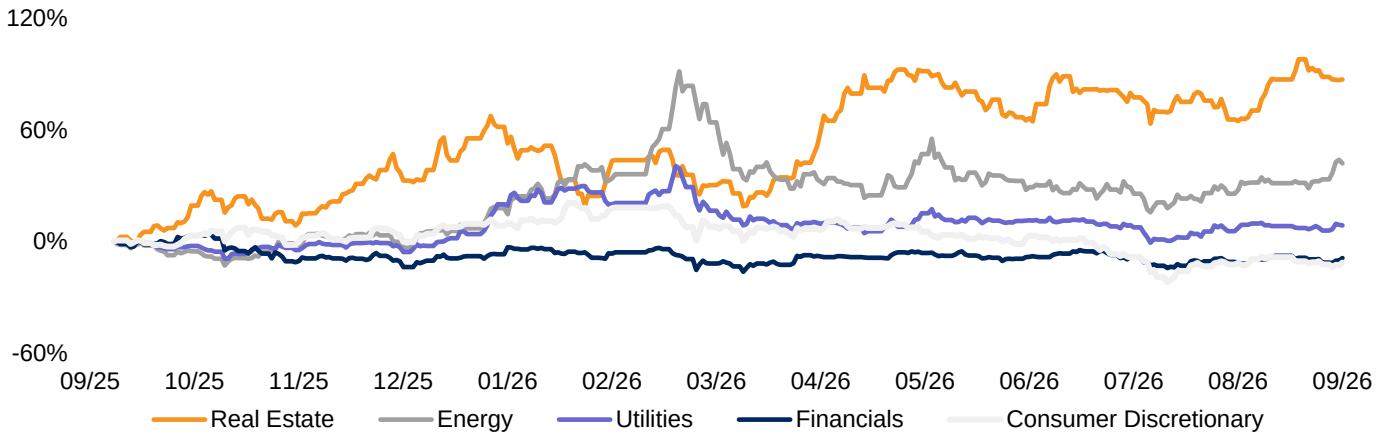
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	0,2%	-3,5%	16,6	1,5	8,8%	2,4%	154.091	1,4%	166.058	0,2%	6,2%
Ấn Độ	NSE500 Index	-0,6%	-7,4%	22,6	3,2	15,1%	1,3%	8.758	6,8%	-25.720	-0,8%	-7,5%
Indonesia	JCI Index	-0,4%	-29,2%	13,6	1,7	12,3%	3,8%	732	7,1%	-4.532	-1,4%	-7,2%
Singapore	FSTAS Index	-0,2%	20,3%	19,7	1,7	9,5%	3,9%	1.458	2,3%	1.276	-0,6%	0,9%
Malaysia	FBME Index	-1,2%	-0,3%	14,9	1,4	10,1%	4,0%	594	3,8%	-1.429	-1,4%	3,3%
Philippines	PCOMP Index	-0,6%	-7,8%	9,1	0,9	9,7%	4,0%	96	5,8%	-521	-0,5%	-7,1%
Thái Lan	SET Index	-0,5%	26,6%	12,8	1,5	9,3%	4,3%	2.131	1,8%	1.362	-1,3%	-4,0%
Việt Nam	VN-Index	-0,2%	-0,4%	13,6	2,0	16,0%	2,0%	541	4,3%	-3.584	0,4%	1,7%

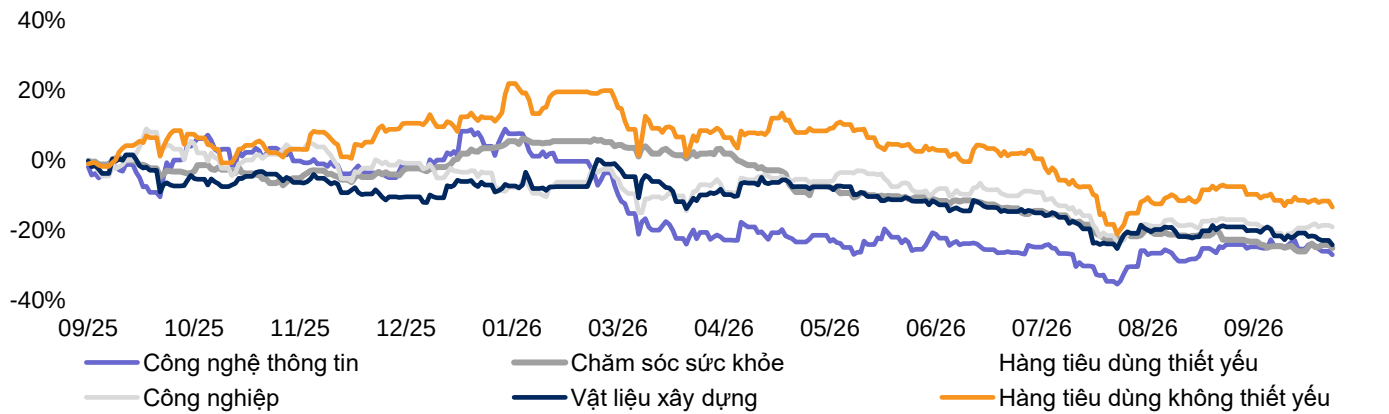
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



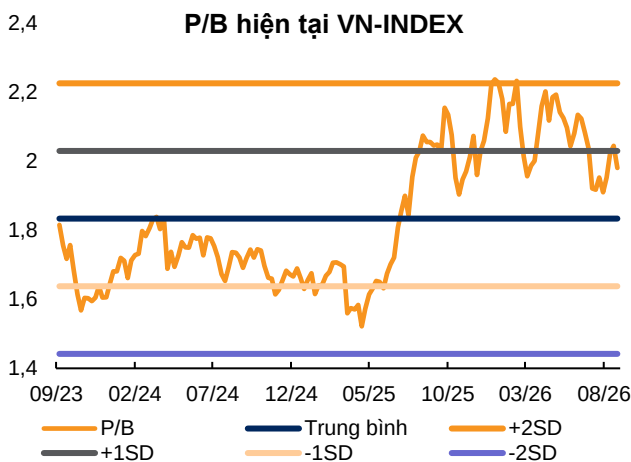
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



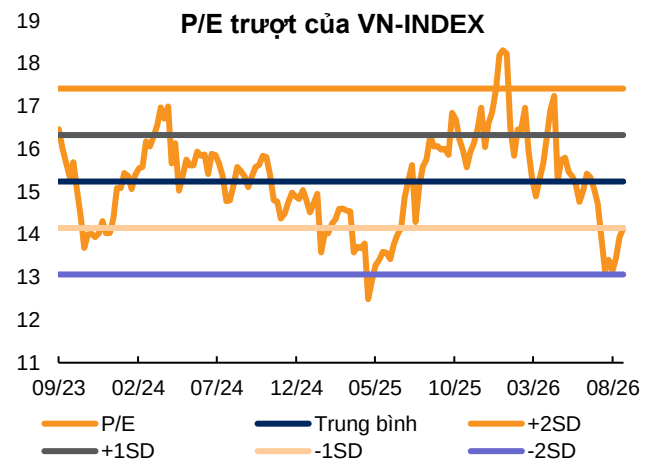
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



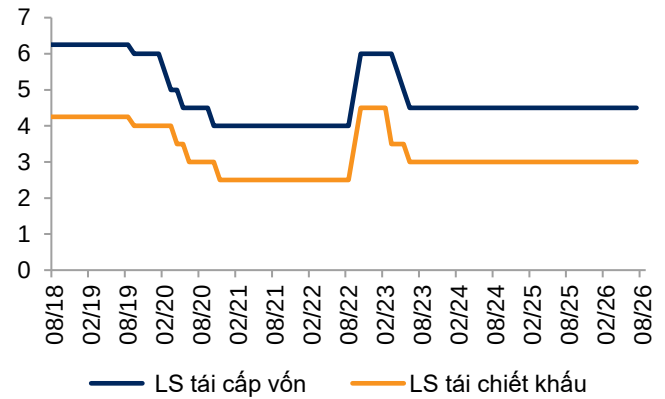
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4.29	-0.1	-0.2	31.9	40.3
Lợi suất TPCP Việt Nam 10 năm (%/năm)	4.47	0.0	0.4	10.6	23.3
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	0.63	-33.7	-91.4	-61.8	-82.0
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6.21	1.5	-7.0	-24.7	19.9
USD/VND	25,968	0.0	0.4	1.3	1.7
DXY	101.09	0.1	1.4	2.8	3.0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	5.22	1.2	10.7	25.3	25.0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4.99	1.3	13.5	41.1	36.7

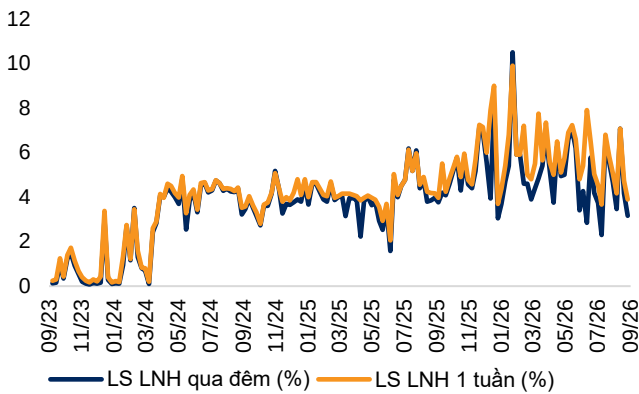
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



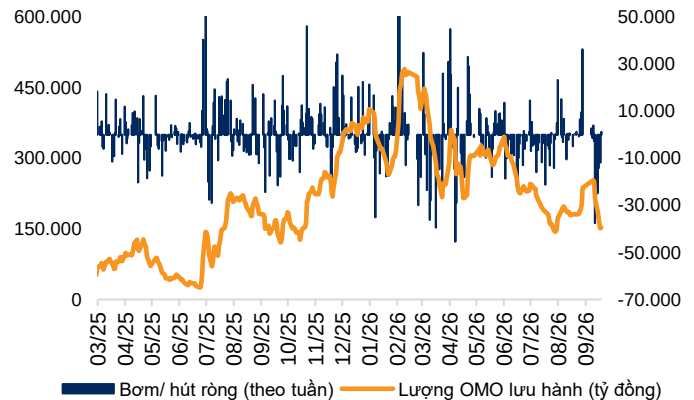
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



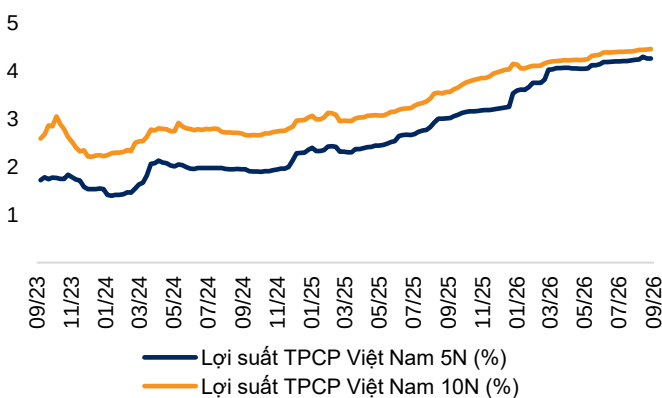
Nguồn: SBV. FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



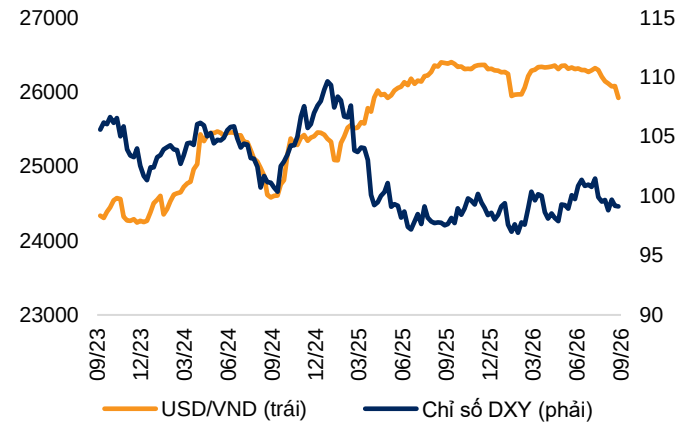
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-0,3%	10,7%	45,5%
Brent Crude	-0,3%	17,6%	54,5%
JKM LNG	-0,3%	5,9%	138,5%
Henry Hub LNG	-1,3%	6,0%	119,8%
NW Thermal Coal	-2,5%	10,6%	8,3%
Singapore Platt FO	-3,8%	13,6%	64,2%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	0,3%	-7,7%	8,6%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-1,1%	-8,9%	29,8%
Bạch kim	-1,7%	-8,6%	5,3%

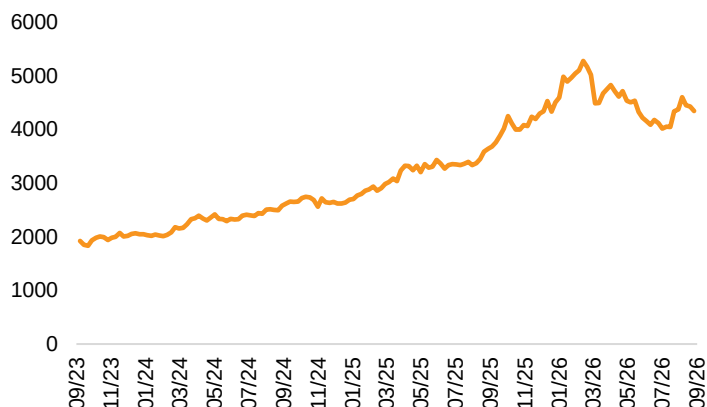
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	-6,4%	391,6%
Đồng	-0,4%	0,7%	35,1%
Nhôm	-0,4%	0,5%	22,7%
Niken	-1,0%	-4,1%	6,7%
Kẽm	0,2%	0,9%	22,0%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,0%	4,2%	-1,3%
Quặng sắt	-1,0%	-4,8%	-12,4%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,5%	8,9%	44,4%
Arabica	-0,3%	-16,8%	-22,7%
Đường	0,4%	-0,2%	9,4%
Cacao	0,5%	-13,9%	-19,7%
Dầu cọ	-0,8%	-7,3%	NA
Bông	0,2%	-12,1%	23,6%
Sữa bột	0,1%	-3,2%	-8,3%
Lúa mì	-0,8%	-10,9%	31,6%
Đậu tương	-0,1%	0,9%	27,4%
Hạt điều	NA	0,0%	10,0%
Cao su	1,0%	-4,1%	44,0%
Urê	10,0%	17,4%	9,0%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	0,0%	-4,5%	-22,9%
Gia súc	-0,7%	-0,8%	-6,2%

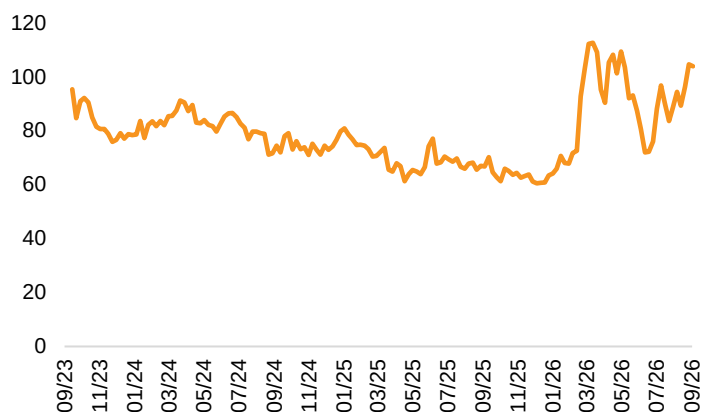
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5,408	0.7	2,559	39,200	64,700	64.2%	1.4%	12.6	1.9	16%
AST	131	0.0	3	63,100	84,500	38.2%	1.3%	11.5	4.7	48%
HVN	2,456	0.9	531	20,500	43,400	104.8%	3.0%	14.0	6.7	
VJC	3,936	5.7	939	132,900	113,600	-10.4%	0.6%	46.4	3.9	9%
Bán lẻ										
BAF	446	1.9	205	31,750	40,100	35.0%		116.4	2.7	3%
DGW	392	2.2	89	45,550	49,600	42.7%	2.2%	12.0	2.7	25%
FRT	964	2.3	154	140,000	150,300	37.9%	0.2%	22.0	5.2	30%
MCH	6,948	2.4	5,834	138,000	165,000	21.3%	1.4%	25.5	9.6	39%
MWG	4,092	10.1	-2	72,000	102,000	42.7%	1.4%	10.7	3.0	30%
PNJ	605	9.3	13	30,700	N/A	N/A	2.2%	6.5	1.2	18%
QNS	712	0.3	291	50,300	53,400	13.1%	2.0%	8.2	1.5	19%
SAB	2,141	1.1	881	43,350	54,600	25.4%	6.9%	12.0	2.8	23%
VHC	392	0.6	323	48,650	72,400	36.6%	4.1%	7.4	1.1	15%
VNM	4,853	8.7	2,434	60,300	71,900	20.4%	3.1%	12.8	4.0	31%
Tài chính										
ACB	4,716	9.8	295	21,100	31,300	41.9%	2.9%	7.8	1.2	17%
BID	10,708	5.6	1,335	35,750	47,200	32.4%	1.2%	8.4	3.2	16%
CTG	8,928	9.7	484	29,850	40,200	70.2%	1.5%	5.8	1.2	22%
HDB	5,301	11.4	265	27,500	39,500	54.7%	2.3%	6.9	1.6	26%
LPB	5,234	5.3	183	45,500	33,400	-31.7%	6.6%	12.0	3.2	27%
MBB	7,677	11.1	343	19,800	32,900	51.5%	4.2%	6.4	1.3	22%
STB	5,605	9.9	1,084	77,200	73,000	-35.7%	0.8%	23.8	2.3	5%
TCB	8,964	18.4	149	32,850	39,200	40.2%	2.1%	8.6	1.3	16%
TPB	1,560	5.2	128	14,600	21,700	33.9%	3.4%	5.3	0.9	18%
VCB	18,759	10.4	1,880	58,300	67,100	29.2%	0.8%	11.7	2.0	18%
VIB	1,888	3.6	29	13,150	14,600	10.2%	6.3%	6.6	1.0	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8,838	17.8	636	22,950	37,100	50.4%	1.7%	7.7	1.3	18%
Dệt may										
MSH	128	0.1	57	29,650	40,600	34.2%	3.4%	5.4	1.7	31%
TCM	71	0.7	1	15,650	20,000	20.8%	3.0%	9.3	0.8	8%
Khu công nghiệp										
BCM	1,556	1.1	524	39,050	68,400	81.5%	2.8%	21.3	1.8	9%
GMD	1,270	3.6	128	77,300	95,700	3.1%	2.8%	13.7	2.4	19%
HAH	379	1.3	89	52,300	55,400	27.6%	3.8%	7.5	1.9	27%
VSC	196	4.7	92	13,600	19,100	37.5%	3.7%	14.8	0.9	7%
IDC	537	1.5	185	33,400	58,000	44.5%	4.1%	6.4	2.1	35%
KBC	936	1.4	398	25,800	35,700	9.5%	1.5%	21.2	1.0	5%
PHR	300	0.8		31,900	68,400	22.4%	2.4%	8.3	1.7	22%
VTP	402	1.1	182	51,500	77,900	60.6%	1.3%	32.7	4.5	15%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	535	1.2	244	36,550	128,300	246.0%	21.9%	6.9	0.9	13%
HPG	6,568	17.6	1,791	20,200	33,300	53.5%	2.3%	7.3	1.2	17%
Dầu khí										
BSR	6,248	11.1	2,967	32,400	16,700	-27.2%	0.9%	8.2	2.2	30%
GAS	7,759	4.5	3,639	83,500	91,800	20.4%	3.0%	15.8	2.9	18%
OIL	542	1.0	34	13,600	14,800	13.2%	1.8%	39.7	1.3	3%
PLX	1,774	4.9	102	35,600	47,700	46.4%	3.4%	14.7	1.8	9%
PVD	666	3.5	280	18,650	23,000	37.8%	13.4%	17.8	1.0	5%
PVS	789	4.2	263	33,400	48,200	40.5%	1.6%	9.7	1.3	11%
PVT	467	3.6	156	23,450	24,200	44.0%	0.9%	8.5	1.3	15%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	600	2.8	279	22,900	22,700	6.6%	6.6%	9.1	1.4	14%
DCM	718	3.3	314	35,200	49,800	41.4%	5.7%	8.1	1.6	21%
DDV	93	0.2		16,500	38,700	119.0%	10.3%	3.8	1.1	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	58	0.1		18,600	34,100	88.0%	2.7%	9.2	1.0	12%
Điện										
POW	1,494	9.9	775	14,550	14,400	0.1%	1.1%	17.6	1.2	7%
Điện và BĐS										
HDG	241	0.9	82	15,350	27,500	69.8%	3.0%	6.7	0.9	14%
PC1	321	0.0	133	20,250	30,800	43.3%	0.0%	8.2	1.2	16%
REE	1,094	0.7	1	45,600	66,600	41.1%	1.9%	10.8	1.3	13%
Bất động sản										
DXG	498	4.4	170	10,200	20,500	92.4%	19.6%	64.4	0.9	1%
KDH	485	3.3	129	15,300	35,700	104.0%	1.9%	10.5	0.9	9%
NLG	405	1.8	54	21,650	38,000	95.9%	2.3%	17.5	0.8	5%
VHM	21,986	25.0	9,558	69,500	80,200	3.3%	4.3%	7.2	2.2	33%
VRE	2,135	5.1	804	24,400	34,000	39.9%	4.1%	7.6	1.1	15%
Công nghệ										
FPT	4,626	17.9	948	63,700	186,000	41.7%	1.4%	11.9	3.0	27%
Xây dựng										
HHV	189	1.0	170	8,990	14,700	46.3%	0.0%	10,0	0.5	4,8%
Tài chính thay thế										
F88	485	0.4	372	54,500	93,100	24.3%	0.0%	16.3	4.9	39%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết. Thông tin trên báo cáo được công bố của công ty. Thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT. người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA

